TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2021/HC-PT
Ngày: 01/11/2021.
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Mai Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 187/2021/TLPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2021, về việc*: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng V. Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D. Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đinh Thị H, Công ty Luật TNHH H và Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ Ngọc C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân S - Phó Chánh Thanh tra tỉnh Bình Định. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Mạnh C - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh H - Công chức Địa chính - Xây dựng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Phan Văn D; (vắng mặt)

- Anh Phan Tiến S; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Phan S N; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn D, anh Phan Tiến S, anh Phan S N thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc nhà và đất tại thửa đất số 78a, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa số 50, tờ bản đồ số 34), diện tích 196m^2 tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 78a):

Cha ông Phan Văn D là ông Phan O; ông Phan O là thương bệnh binh 51%; ông Phan O có 09 người con: Phan Thị C, Phan Thị B, Phan K (Liệt sĩ), Phan Thị B (Liệt sĩ), Phan Ngọc B (Liệt sĩ), Phan Văn B, Phan Văn L, Phan Văn X, Phan Văn D.

Vào năm 1998, do điều kiện nhà ở xuống cấp, chật hẹp; gia đình đông con (10 nhân khẩu), thuộc diện gia đình chính sách nên ông Phan O đã làm đơn xin đất xây dựng nhà ở và đã được Ban nhân dân thôn X họp thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND xã M) xét giao cho ông Phan O 01 lô đất nằm trên trục đường 315 (Giáp ĐT 639 đi X). Sau khi được giao đất xây dựng nhà ở, do thuộc diện chính sách: Thương binh và có công cách mạng nên ông Phan O được Nhà nước hỗ trợ kinh phí 6.000.000 đồng xây dựng nhà ở theo Quyết định số 1293/QĐ-UB ngày 23/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là QĐ 1293).

Năm 2001, ông Phan ở chết; gia đình đã họp thống nhất để vợ chồng ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị Hồng V là người đại diện gia đình đứng tên lập

thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngôi nhà cấp 4, diện tích 70m^2 mà ông Phan O đã được giao nói trên để làm nhà từ đường, hương khói thờ cúng ông bà và 03 liệt sĩ trong gia đình; kèm theo điều kiện là vợ chồng ông D và bà V không được chuyển nhượng, tặng cho nhà và đất cho bất kỳ ai (Có biên bản họp gia đình ngày 21/11/2020 (âm lịch) kèm theo, không có xác nhận của chính quyền địa phương).

Năm 2002, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình tại thôn X, xã M. Ngày 30/9/2004, hộ ông Phan Tiến D (tức ông Phan Văn D) đã được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND huyện P) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00133 QSDĐ đối với thửa đất số 78a (viết tắt là GCN 00133). Mặc dù thửa đất nói trên là thửa đất mà ông Phan ở được UBND xã M giao vào năm 1998 nhưng khi lập hồ sơ cấp GCN 00133, cán bộ địa chính của xã phối hợp với cán bộ thôn đã xác lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên vợ chồng ông D, bà V và ghi thời gian xin đất từ năm 2002. Hiện nay, nguyên các cán bộ lãnh đạo UBND xã M và thôn X là các nhân chứng xác nhận nguồn gốc nhà và đất tại thửa đất số 78a là tài sản của ông Phan O, được UBND xã M giao đất vào năm 1998. Ngoài ra, theo giấy tờ thì thửa đất số 78a nằm trong Dự án kinh tế mới Đông T; tuy nhiên, theo ông D được biết thì Nhà nước chỉ hợp thức hóa chứ thửa đất trên không thuộc Dự án kinh tế mới Đông T và ông không có căn cứ chứng minh.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.000m^2 (đất ở diện tích 200m^2 và đất vườn diện tích 800m^2) tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 230).

Do không đủ đất để sản xuất (hộ gia đình có 10 nhân khẩu) và để phát triển kinh tế gia đình nên vào năm 2000, vợ chồng ông D, bà V đã làm đơn xin đất để ở và làm nhà xưởng sản xuất cá cơm. UBND xã M đã thống nhất giao cho vợ chồng ông D, bà V thửa đất có diện tích 1.000m^2; vị trí đất sau lớp nhà mặt đường ĐT 639 hoang hóa, không đường xá. Cuối năm 2000, vợ chồng ông D, bà V đã thuê phát dọn san lấp mặt bằng xây dựng nhà ở và cơ sở sản xuất chế biến cá cơm khô với diện tích nhà ở và nhà xưởng là 25m, chi phí là 26.500.000 đồng; ông D và bà V quản lý, sử dụng ổn định thửa đất nói trên từ năm 2000.

Năm 2006, vợ chồng ông D, bà V làm đơn đề nghị Nhà nước lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nói trên và ngày 05/3/2007, UBND huyện P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00010 đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 230), diện tích 1.000m^2 (200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn) tại thôn X, xã M (viết tắt là GCN H00010).

Năm 2011, Nhà nước thực hiện việc cấp đổi sổ mới theo chương trình

Vlap, diện tích thửa đất nói trên đo đạc lại là 1.306,8m^2 nhưng ông D và bà V vẫn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo diện tích trong GCN H00010; ngày 28/11/2011, UBND huyện P đã thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00167 (viết tắt là GCN CH00167) đối với thửa đất số 230, diện tích l.OOOm^2 (200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn) tại thôn X, xã M cho ông D và bà V. Sau khi được cấp GCN CH00167, vợ chồng ông D và bà V vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất ổn định, liên tục, không có ai tranh chấp.

Năm 2016, thực hiện dự án di dân vùng triều cường giai đoạn 2 mở đường đi ngang qua thửa đất số 230; do đất quá trũng so với mặt đường nên vợ chồng ông D và bà V đã tháo dỡ nhà xưởng trên đất và san lấp mặt bằng với kinh phí 250.000.000 đồng; vợ chồng ông D và bà V dự kiến xây dựng lại nhà ở nhưng do chưa được tuổi nên chưa thực hiện; còn ngôi nhà tại thửa đất số 78a là nhà từ đường nên để lại thờ cúng.

Về việc thanh tra, thu hồi GCN CH00167 và thu hồi thửa đất số 230:

Căn cứ Kết luận số 03/KL-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất, cho thuê đất và sử dụng đất trên địa bàn xã M, huyện P (viết tắt là Kết luận số 03), ngày 12/11/2018, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 7657/QĐ-UBND về việc thu hồi GCN CH00167 (viết tắt là QĐ 7657).

Ngày 27/03/2019, Thanh tra tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 158/TTT-P3 về việc báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra trong việc giao đất, cho thuê đất và sử dụng đất trên địa bàn xã M (viết tắt là Văn bản số 158); văn bản nói trên có nội dụng là trên cơ sở Kết luận số 03 và căn cứ quy định tại các điểm a, d khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, yêu cầu UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 230.

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 158, ngày 04/4/2019, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Văn bản số 1717/UBND-TD về việc xử lý kết luận sau thanh tra trong việc giao đất, cho thuê đất và sử dụng đất trên địa bàn xã M và việc tiếp nhận, xử lý đơn thư tại xã M và xã Mỹ Thắng, huyện P (viết tắt là Văn bản số 1717); nội dung văn bản nói trên là yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P tổ chức thực hiện theo kiến nghị, xử lý của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 158. Ngày 03/6/2019, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 3080/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 230 (viết tắt là QĐ 3080).

Vợ chồng ông D và bà V không đồng với ý kiến trong Kết luận số 03 đối với đối với thửa đất số 230; bởi lẽ:

Theo Kết luận thanh tra thì thửa đất số 230 có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị T (chị dâu ông D) chiếm dụng từ trại tạm từ năm 2000, đến năm 2004 vợ chồng ông D, bà V tiếp nhận lại từ bà T là không đúng. Vợ chồng bà T và ông Phan

Văn L (anh trai ông D) đã được UBND xã M xét giao 01 lô đất tại thửa 106, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.080m^2 theo dự án Đông T thuộc thôn X; vợ chồng bà T đã xây dựng nhà ở, làm cơ sở chế biến cá cơm khô xuất khẩu từ năm 1997 và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00010/QSDĐ ngày 16/12/2002. Việc bà T thường đến nhà cơ sở chế biến của ông D, bà V là để hướng dẫn kỹ thuật chứ không phải thửa đất số 230 do bà T tự chiếm dụng xây dựng.

Nhà và cơ sở chế biến cá cơm trên thửa đất số 230 do ông D và bà V xây dựng bằng kiền đá chẻ, nền xi măng, tường gạch, mái tole, diện tích xây dựng 75m^2 nhưng kết luận thanh tra xác định ngôi nhà của ông D, bà V xây dựng là nhà tạm là không phù hợp với hiện trạng thực tế.

- Thửa đất số 230 và thửa đất số 78a là 02 thửa đất hoàn toàn khác nhau, chủ sử dụng đất khác nhau và điều kiện giao đất cũng hoàn toàn khác nhau.

Việc kê khai nguồn gốc trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án Đông T mà Thanh tra tỉnh kết luận không có hồ sơ chứng minh. Trên thực tế, thửa đất số 230 là vợ chồng ông D, bà V xin đất được UBND xã M giao theo dự án; đến khi ông Phan O chết thì việc kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân sống tại vùng Dự án Đông T thì thửa đất số 78a được kê khai trong Dự án Đông T do cán bộ thôn và cán bộ địa chính xã lập là không phù hợp vì phương châm của Dự án là nâng cao năng lực đánh bắt hải sản, khai thác tiềm năng đất đai của vùng đưa vào nuôi trồng thủy sản, phát triển kinh tế gia đình; tiêu chuẩn diện tích cấp giao cho hộ gia đình vùng Dự án kinh tế mới Đông T là 1.000m^2/hộ (Trong đó 400m^2 đất thổ cư và 600m^2 đất trồng cây lâu năm).

Thửa đất số 78a là thửa đất nằm trong thửa đất số 78, tờ bản đồ số 12, diện tích 817,6m^2 trước đây UBND xã M đã xét cấp cho ông Văn Tiến S ở thôn C, xã M theo Dự án Đông T. Đến khi mở đường 315, UBND xã M thu hồi thửa đất nói trên cấp lại cho 05 hộ. Những hộ nằm trên trục đường này đa số là những hộ UBND xã M huy động đóng góp kinh phí để mở đường và xét cấp đất ở diện tích không vượt quá 200m^2. Đến khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã M tạo điều kiện đưa những hộ này vào dự án để hộ hưởng lợi kinh phí của Nhà nước hỗ trợ cho hộ dân sống tại Dự án kinh tế mới Đông T. Trong thời gian này, vợ chồng ông D và bà V xin đất theo dự án 1.000m^2 để xây dựng nhà và cơ sở sản xuất để phát triển kinh tế chứ không vì mục đích nào khác, góp phần thành công của Dự án Đông T. Ngoài ra, hộ gia đình ông Phan O là gia đình chính sách, đông con gồm 10 nhân khẩu nên việc cấp đất dự án là 200m^2 đất ở, không có đất sản xuất là không phù hợp.

Từ những căn cứ nói trên, bà Nguyễn Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu Tòa

án hủy QĐ 3080; ông Phan Văn D, anh Phan Tiến S, anh Phan S N thống nhất với yêu cầu khởi kiện nói trên của bà V và không ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, bà Nguyễn Thị Hồng V còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà V không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Hồ Ngọc Chánh và người đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Định là ông Hồ Mạnh Cường thống nhất trình bày:

Thực hiện Kết luận số 03, ngày 12/11/2018, UBND huyện P đã ban hành QĐ 7657 về việc thu hồi GCN CH00167 đã cấp cho ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng V tại thửa đất số 230; lý do thu hồi: GCN CH00167 cấp không đúng nguồn gốc sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 20,13.

Tuy nhiên, UBND huyện P nhận thấy tại Kết luận số 03 yêu cầu UBND huyện P thu hồi thửa đất số 230 theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 là không có cơ sở pháp lý; do đó, ngày 07/01/2019, UBND huyện P đã có B cáo số 08/BC-UBND về việc đề nghị UBND tỉnh Bình Định xem xét và cho ý kiến chỉ đạo.

Ngày 27/03/2019, Thanh tra tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 158; văn bản nói trên có nội dụng là trên cơ sở Kết luận số 03 và căn cứ quy định tại các điểm a, d khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, yêu cầu UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 230. Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 158, ngày 04/4/2019, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Văn bản số 1717 yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P tổ chức thực hiện theo kiến nghị, xử lý của Chánh Thanh tra tỉnh tại văn bản nói trên.

Chấp hành ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại Văn bản số 1717, ngày 27/5/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đã có Văn bản số 12/CV-TNMT về việc đề nghị UBND huyện P thu hồi thửa đất số 230 và ngày 03/6/2019, UBND huyện P đã ban hành QĐ 3080 về việc thu hồi thửa đất số 230, diện tích 1.000m^2.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V về việc yêu cầu Tòa án hủy QĐ 3080, UBND huyện P, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, UBND huyện P, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P không có trình bày hoặc yêu

cầu nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Bình Định là ông Nguyễn Xuân S trình bày:

Nguồn gốc đất: Theo Hồ sơ địa chính và Bản đồ năm 1998, thửa đất số 230 thuộc thửa 99, tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 16.284,2m^2, loại đất hoang do UBND xã M quản lý. Vị trí thửa đất nằm tiếp giáp phía sau các thửa đất 124, 92, 93, 98, 100, 107, 108; về phía Đông thuộc Dự án kinh tế mới Đông T dọc theo tuyến ĐT639; về phía Bắc giáp đường đất được thông ra đường ĐT639. Như vậy, thửa đất số 230 không nằm trong Dự án kinh tế mới Đông T.

Quá trình sử dụng đất: Vào năm 2000, hộ bà Nguyễn Thị T (chị dâu ông Phan Văn D) ở thôn X, xã M đến chiếm dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 12 dựng trại, xây lò để chế biến cá cơm xuất khẩu; sau đó vợ chồng ông D đến làm chung với bà T. Năm 2004, bà T chuyển cơ sở về nhà làm riêng, vợ chồng ông D tiếp tục làm nghề chế biến cá cơm xuất khẩu tại thửa đất nói trên. Năm 2006, hộ ông D làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) và UBND huyện P cấp GCN H00010 cho vợ chồng ông D, bà V đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 230), diện tích 1.000m^2 (200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn) tại thôn X, xã M. Năm 2011, ông D làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên và UBND huyện P cấp GCN CH00167 cho vợ chồng ông D, bà V đối với thửa số 230, diện tích 1.000m^2 (đất ở diện tích 200m^2 và đất vườn diện tích 800m^2) tại thôn X, xã M (lý do cấp đổi: Do ông D thay đổi năm sinh và chữ lót).

Hiện trạng sử dụng đất: Tại thời điểm kiểm tra, mặt bằng tại thửa đất số 230 không có công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất; giới cận: Đông giáp thửa đất số 73 và Khu dân cư kinh tế mới Đông T, Tây giáp khu tái định cư Dự án di dân triều cường giai đoạn 2, Nam giáp thửa đất số 120, Bắc giáp đường bê tông lộ giới 12m.

Kết quả làm việc với ông D và các cá nhân, đơn vị có liên quan:

- Ông D trình bày: Năm 1998, cha ông là ông Phan O được Nhà nước giao đất ở theo diện gia đình chính sách tại thửa đất số 78a, diện tích 196m^2. Do diện tích đất giao không có đất sản xuất, gia đình đông nhân khẩu nên vào năm 2000, vợ chồng ông làm đơn xin đất và được UBND xã M giao 1.000m^2 đất để xây dựng nhà ở và làm cơ sở chế biến cá cơm, lúc này thửa đất còn bỏ trống, chưa ai sử dụng và thuộc Dự án di dân kinh tế mới Đông T. Cuối năm 2000, ông làm nhà cấp 4 và làm xưởng chế biến cá cơm khoảng 75m^2, sử dụng liên tục, không có ai tranh chấp. Năm 2006, ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã M xét duyệt và đề nghị UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Hồ sơ kê khai làm Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất là do vợ ông làm, các chữ ký trong hồ sơ là vợ ông ký. Năm 2015, xã làm đường bê tông, thửa đất thấp hơn mặt đường nên ông đã tháo dỡ nhà xưởng để nâng mặt bằng đến nay chưa xây dựng lại, đất còn bỏ trống.

Ý kiến của Quân - Dân chính - Đảng thôn X, xã M: N trước đất là thửa đất trống bỏ hoang chưa có ai sử dụng, nằm tiếp giáp phía sau các thửa đất được Nhà nước giao cho các hộ di dân kinh tế mới Đông T. Năm 2000, bà Nguyễn Thị T ở thôn X, xã M, huyện P đến chiếm dụng làm trại tạm để chế biến cá cơm. Theo ý kiến của người dân, không biết bằng cách nào mà vợ chồng ông D làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thửa đất này là thửa đất ông D chiếm dụng sau bà T, không phải đất Nhà nước giao cho hộ ông theo thuộc Dự án di dân kinh tế mới Đông T, yêu cầu kiểm tra làm rõ, trả lời cho dân biết. Ý kiến của ông Hồ Thanh H - Chủ tịch UBND xã M ông Huỳnh Thanh Hùng - Cán bộ địa chính xã M cho biết: Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.000m^2 mà vợ chồng ông D đang sử dụng là đất có nguồn gốc từ thửa 99, tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 16.284,2m^2, loại đất hoang do UBND xã M quản lý và xác định thửa đất trên không nằm trong Dự án kinh tế mới Đông T.

Ý kiến của ông Nguyễn Trọng Yến (nguyên Chủ tịch UBND xã M từ năm 2004 đến năm 2009): Thực tế vợ chồng ông D có sử dụng thửa đất trống này ở tại thôn X, xã M để dựng trại chế biến cá cơm xuất khẩu; UBND xã M cũng tạo điều kiện cho ông D làm nghề nhưng không phải đất được Nhà nước giao theo Dự án kinh tế mới Đông T cho hộ ông. Qua làm việc, ông Yến cho biết hộ ông D được Nhà nước có quyết định giao đất thửa đất số 78a là đất thuộc Dự án kinh tế mới Đông T. Do đó, ông Yến thống nhất nội dung làm việc với Đoàn thanh tra đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 được ghi trong hồ sơ là đất có nguồn gốc thuộc Dự án di dân kinh tế mới Đông T là hợp thức về nguồn gốc đất. Việc ông ký xác nhận trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D là sai, ông nhận khuyết điểm và xin rút lại chữ ký.

Theo hồ sơ gốc của các hộ gia đình được Nhà nước giao đất thuộc Dự án kinh tế mới Đông T xã M (được triển khai từ năm 1995, kết thúc năm 2004) đối chiếu với bộ hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D lập năm 2006 là không đúng với bộ hồ sơ gốc nhưng bà V khai đất có nguồn gốc thuộc Dự án di dân kinh tế mới Đông T là không phù hợp với thời điểm thực hiện và kết thúc dự án. Như vậy, việc ông D và bà V lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là lợi dụng chính sách di dãn dân vùng kinh tế mới Đông T để hợp thức hóa hồ sơ nằm trong Dự án kinh tế mới Đông Trà Ô, vi phạm pháp luật về đất đai.

Mặt khác, theo danh sách thống kê các hộ gia đình được cấp đất ở thuộc Dự án kinh tế mới Đông T (Dự án 773 của tỉnh từ năm 2002-2004) không có thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.000m^2 mà chỉ có thể hiện thửa đất

số 78a được UBND huyện P giao đất cho ông D tại Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 08/5/2002. Do đó, việc ông D trình bày thửa đất số 78a là đất được Nhà nước giao cho ông Phan O (cha ông D) theo diện gia đình chính sách là không có căn cứ.

Qua kết quả kiểm tra cho thấy: Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2007; đến năm 2011 cấp đổi lại thành thửa số 230 do ông D và bà V đứng tên sử dụng, có nguồn gốc lấn chiếm đất do UBND xã M quản lý, để hợp thức hóa trong Dự án kinh tế mới Đông T là vi phạm pháp luật về đất đai. Sai phạm này thuộc trách nhiệm của cán bộ địa chính xã, lãnh đạo UBND xã M, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, UBND huyện P (trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2011).

Như vậy, hộ ông D hiện đang sử dụng thửa số 230 không phải đất do Nhà nước giao cho hộ ông theo Dự án kinh tế mới Đông T.

Qua thanh tra, ngày 24/9/2018, Đoàn thanh tra liên ngành có B cáo số 02/BC-ĐTTLN về việc báo cáo kết quả thanh tra việc giao đất, cho thuê đất, xử lý lấn chiếm đất trên địa bàn xã M. Ngày 03/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Kết luận số 03; trong đó vụ việc của ông D kết luận xử lý như sau: Giao Chủ tịch UBND huyện P thu hồi GCN CH00167, có hình thức xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và ông D theo quy định pháp luật.

Ngày 12/11/2018, UBND huyện P đã ban hành QĐ 7657 về việc thu hồi GCN CH00167.

Ngày 27/03/2019, Thanh tra tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 158 về việc báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra trong việc giao đất, cho thuê đất và sử dụng đất trên địa bàn xã M. Ngày 04/4/2019, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Văn bản số 1717 yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P tổ chức thực hiện theo kiến nghị, xử lý của Chánh Thanh tra tỉnh tại văn bản nói trên.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định, ngày 03/6/2019, UBND huyện P đã ban hành QĐ 3080 về việc thu hồi thửa đất số 230 của hộ gia đình ông D.

Từ những căn cứ nói trên, việc bà Nguyễn Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu hủy QĐ 3080 là không có cơ sờ. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu hủy QĐ 3080, UBND tỉnh Bình Định đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, UBND tỉnh Bình Định không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định là ông Huỳnh Thanh Hùng trình bày:

Theo Hồ sơ địa chính và Bản đồ năm 1998, thửa đất số 230 thuộc thửa 99,

tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 16.284,2m^2, loại đất hoang do UBND xã M quản lý. Vị trí thửa đất nằm tiếp giáp phía sau các thửa đất về phía Đông thuộc Dự án kinh tế mới Đông T dọc theo tuyến ĐT639.

Năm 2000, UBND xã M đã giao đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng V xây dựng nhà ở và cơ sở sản xuất chế biến cá cơm. Năm 2006, vợ chồng bà V làm đơn đề nghị Nhà nước lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa, đất nói trên và được UBND xã M xét duyệt; ngày 05/3/2007, UBND huyện P đã cấp GCN H00010 đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 230), diện tích 1.000m^2 (200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn) tại thôn X, xã M. Vợ chồng bà V sử dụng ổn định từ đó cho đến năm 2016, Dự án di dân vùng triều cường giai đoạn 2 mở đường đi ngang qua thửa đất số 230; do đất quá trũng so với mặt đường nên vợ chồng ông bà V đã tháo đỡ nhà, đổ đất nâng nền và san lấp mặt bằng. Khi lập hồ sơ, gia đình bà V khai giao đất theo Dự án Đông T nhưng không có trong danh sách di dân vùng kinh tế mới Đông T vì vợ chồng bà V đã được hưởng chế độ di dân tại thửa đất số 78a nên thửa đất số 230 không có danh sách, một gia đình không được hưởng 02 chế độ trong một dự án.

Cha chồng bà V là ông Phan O (sinh năm 1923) là thương bệnh binh 51%, có 03 con là liệt sĩ ở tại thôn X, xã M. Vì điều kiện nhà ở xuống cấp, chật hẹp điều kiện sinh hoạt khó khăn nên vào năm 1999, ông Phan O có làm đơn xin đất xây dựng nhà ở được Ban nhân dân thôn X họp thống nhất đề nghị UBND xã M xét giao 01 lô đất tại thửa đất số 78a, diện tích 196m^2 nằm trong thửa đất số 78, tờ bản đồ số 12, diện tích 817,6m^2 theo Bản đồ năm 1998. Trước đây, UBND xã M xét giao thửa đất số 78 cho ông Văn Tiến S ở thôn C, xã M theo Dự án Đông T; năm 1999, UBND xã M huy động nhân dân đóng góp mở đường giáp ĐT639 đi X nên xã thu hồi thửa đất số 78 của ông Văn Tiến S để cấp cho các hộ dân; những hộ này nằm trên trục đường và xét cấp đất ở diện tích không vượt quá 200m^2. Thửa đất số 78a là do UBND xã M xét giao cho cha chồng bà V là ông Phan O. Năm 2000, ông xây dựng nhà ở được Nhà nước hỗ trợ 6.000.000 đồng cho hộ gia đình chính sách xây dựng nhà ở theo QĐ 1293. Khi đó vợ chồng bà V ở chung cùng gia đình cha chồng gồm 10 nhân khẩu; do diện tích đất nhà chồng chật hẹp, không có đất sản xuất nên bà V làm đơn và được UBND xã M giao đất tại thửa số 230, diện tích 1.000m^2.

Năm 2004, UBND xã lập thủ tục cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong vùng Đông T khi đó ông Phan O đã mất. Căn cứ biên bản họp gia đình của ông Phan O nên UBND xã M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chọ vợ chồng bà V tại thửa đất số 78a; nguồn gốc và tài sản gắn liền với thửa đất nói trên là của ông Phan O.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn L đã được xét giao 01 lô đất

tại thửa 106, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.080m^2 theo dự án Đông T thuộc thôn Xuân Binh; vợ chồng bà T đã xây dựng nhà ở, làm cơ sở chế biến cá cơm khô xuất khẩu từ năm 1997 và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0001Q/QSDĐ ngày 16/12/2002. Do đó, thửa đất số 230 là đất do UBND xã M giao cho vợ chồng bà V chứ không phải đất do bà T tự chiếm dụng.

Cũng trong năm 2000, trên địa bàn xã Mỹ rất nhiều trường hợp giao đất vùng kinh tế mới Đông T với diện tích 1.000m^2. Theo tiêu chuẩn của dự án (Chương trình 773), diện tích cấp giao cho hộ gia đình vùng Dự án kinh tế mới Đông T là 1.000m^2 (400m^2 đất thổ cư và 600m^2 đấy trồng cây hàng năm) vì phương châm của dự án là nâng cao năng lực đánh bắt hải sản, khai thác tiềm năng đất đai của vùng đưa vào nuôi trồng thủy sản, phát triển kinh tế gia đình đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu hủy QĐ 3080, UBND xã M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, UBND xã M không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người làm chứng là ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị T, ông Phan Văn B, ông Phan Văn X, bà Phan Thị B, bà Phan Thị C thống nhất trình bày:

Về quan hệ gia đình của ông ông Phan O và nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 78a; các ông bà thống nhất như nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Phan Văn D. Việc vợ chồng ông D, bà V xin đất xây dựng nhà ở và cơ sở chế biến cá cơm khô tại thửa đất số 230 vào năm 2000 các ông bà có biết nhưng cụ thể như thế nào thi không rõ.

Ngoài ra, vợ chồng ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị T còn cung cấp thông tin như sau: Vào năm 2000, vợ chồng ông D, bà V được UBND xã M giao đất xây dựng nhà ở và cơ sở chế biến cá cơm khô. Khi đó, bà T thường tới nhà và cơ sở chế biến của vợ chồng ông D hướng dẫn kỹ thuật chế biến cá cơm khô. Vợ chồng bà T và ông L đã được UBND xã M xét giao 01 lô đất tại thửa 106, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.080m^2 theo dự án Đông T thuộc thôn X; vợ chồng ông bà đã xây dựng nhà ở, làm cơ sở chế biến cá cơm khô xuất khẩu từ năm 1996 và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00010/QSDĐ ngày 16/12/2002. Do đó, thửa đất số 230 là đất do UBND xã M giao cho vợ chồng ông D, bà V.

Người làm chứng là ông Đặng Văn S (Đảng viên Chi bộ thôn X), ông Hồ Ngọc H (N Chủ tịch UBND xã M) thống nhất trình bày:

Năm 2000, vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Phan Văn D ở thôn X, xã M làm đơn xin đất xây dựng nhà ở và phát triển sản xuất và được UBND xã M thống nhất giao 01 thửa đất có diện tích là 1.000m^2. Vị trí thửa đất thuộc thửa

99, tờ bản đồ số 12, diện tích 16.284,2m^2, loại đất hoang do UBND xã M quản lý, tiếp giáp phía sau các thửa đất thuộc Dự án kinh tế mới Đông T dọc theo tuyến ĐT639.

Cuối năm 2000, vợ chồng bà V xây dựng nhà ở và cơ sở sản xuất chế biến cá cơm khô, diện tích 75m^2 (nhà ở 25m^2 và nhà xưởng 50m^2); sử dụng từ năm 2000. Năm 2006, gia đình bà V, ông D làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và UBND huyện P cấp GCN H00010 cho vợ chồng ông D, bà V đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 230), diện tích 1.000m^2 (200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn) tại thôn X, xã M. Vợ chồng ông bà sử dụng từ đó cho đến năm 2016, dự án di dân vùng triều cường giai đoạn 2 mở đường đi ngang qua thửa đất số 230; do đất quá trũng so với mặt đường nên vợ chồng ông bà V đã tháo nhà, đổ đất nâng nền và san lấp mặt bằng.

Nguồn gốc thửa đất số 230 là đất UBND xã M thống nhất đã giao cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng V xây dựng nhà ở và cơ sở chế biến cá cơm.

Người làm chứng là ông Hồ Thanh H (Trưởng thôn X vào năm 1998), ông Phạm Văn L (Bí thư Chỉ hộ thôn X vào năm 1998), ông Đoàn H (Phổ trưởng thôn X vào năm 1998), ông Trần Văn T (Phó trưởng thôn X vào năm 1998) thống nhất trình bày:

Ông Phan O (sinh năm 1923) là thương bệnh binh 51% có 03 con là liệt sĩ ở tại thôn X, xã M. Vì điều kiện nhà ở gần biển, xuống cấp, chật hẹp, gia đình đông con nên Ban nhân dân thôn X (trong đó có ông Trần Văn T, ông Đoàn H, ông Phạm Văn L, ông Hồ Thanh H) họp xét thống nhất đề nghị UBND xã M xét giao 01 lô đất nằm trên trục đường 315 (Giáp ĐT 639 đi X). Năm 2000, ông Phan O được Nhà nước hỗ trợ 6.000.000 đồng xây dựng nhà ở cho hộ gia đình chính sách.

Các ông xác định nguồn gốc thửa đất số 78a và ngôi nhà hiện nay ông D đang sử dụng thuộc thửa đất số 78a là do UBND xã M xét giao cho ông Phan Văn D ở và tạo lập.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng Hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử

dụng đất, thu hồi đất.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Tố tụng Hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của ông Phan Văn D bà Nguyễn Thị Hồng V tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của ông Phan Văn D bà Nguyễn Thị Hồng V tại thôn X, xã M, huyện P.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Trong các ngày 18/3/2021 và 29/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Hồng V (vợ ông D) để hủy Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của ông Phan Văn D – bà Nguyễn Thị Hồng V tại thôn X, xã M, huyện P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía người khởi kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về phía người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại vì: Người đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) là ông Nguyễn Xuân S, Phó Chánh thanh tra tỉnh Bình Định là không đúng với quy định tại khoản 7 Điều 60 Luật tố tụng hành chính, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Ủy ban nhân dân huyện P là người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định là ông Hồ Ngọc Chánh và người đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Bình Định là ông Hồ Mạnh Cường đều cho rằng: "Thực hiện Kết luận số 03, ngày 12/11/2018, UBND huyện P đã ban hành QĐ 7657 về việc thu hồi GCN CH00167 đã cấp cho ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Hồng V tại thửa đất số 230; lý do thu hồi: GCN CH00167 cấp không đúng nguồn gốc sử dụng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, UBND huyện P nhận thấy tại Kết luận số 03 yêu cầu UBND huyện P thu hồi thửa đất số 230 theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 là không có cơ sở pháp lý; do đó, ngày 07/01/2019, UBND huyện P đã có B cáo số 08/BC-UBND về việc đề nghị UBND tỉnh Bình Định xem xét và cho ý kiến chỉ đạo".

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn D và ý kiến của Kiểm sát viên liên quan đến người tham gia tố tụng khác trong vụ án thì thấy.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xác định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; ông Nguyễn Xuân S, Phó Chánh Thanh tra tỉnh Bình Định là người đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Kết luận số 03 ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là dựa theo B cáo số 02/BC-ĐTTLN ngày 24/9/2018 về việc báo cáo kết quả thanh tra việc giao đất, cho thuê đất, xử lý lấn chiếm đất trên địa bàn xã M của Thanh tra tỉnh Bình Định. Bản án sơ thẩm cũng căn cứ Kết luận số 03 nêu trên để giải quyết vụ án.

Khoản 7 Điều 60 Luật tố tụng hành chính quy định: "Cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an không được làm người đại diện trong tố tụng hành chính, trừ trường hợp họ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật".

[2.2]. Đối chiếu với quy định được trích dẫn ở trên thì ông Nguyễn Xuân S, Phó Chánh thanh tra tỉnh Bình Định không được tham gia tố tụng với tư cách là

người đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Bản án sơ thẩm xác định ông Nguyễn Xuân S, Phó Chánh thanh tra tỉnh Bình Định là người đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hướng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cũng đề nghị hủy Bản án sơ thẩm. Do vi phạm Luật tố tụng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hủy Bản án hành chính sơ thẩm 10/2021/HC-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Do hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo khác của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn D.

[4]. Án phí hành chính phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Văn D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Văn D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0004565 ngày 29/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến